

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Thị trường tài chính và các định chế tài chính		
Mã học phần:	71FINC20013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_DFB0221_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 05/07/2024.**

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu): SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các kiến thức về hoạt động của hệ thống tài chính, vai trò của các công cụ tài chính và các tổ chức quản lý liên quan để giải quyết các tình huống trong học tập	TN	30	TN:1,2,3,5,6,7, 9,10,11,13,14,15, 17,18,19	3	
CLO2	Vận dụng các kiến thức về công cụ tài chính trên thị trường tài chính và chính sách tài chính nhằm ứng phó những rủi ro trên thị	TN, TL	30	TN:21,22,23,25,26,27, 29,30,31,33,34,35,37,38,39 TL: 1,2	3	

	trường tài chính					
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện để phân tích, đánh giá, biện luận cho các tình huống, kịch bản của các định chế trên thị trường tài chính.	TN, TL	40	TN:4,8,12,16,20,24,28,32,36,40 TL:1,2	4	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (40 câu hỏi; 0,2 điểm/câu hỏi)

Phát biểu nào phù hợp nhất về thị trường tài chính:

- A. là nơi giao dịch các tài sản tài chính
- B. là nơi giao dịch cổ phiếu
- C. là nơi giao dịch chứng khoán
- D. là nơi giao dịch trái phiếu

ANSWER: A

Trong các nhận định sau, nhận định nào sai đối với thị trường thứ cấp:

- A. Thị trường thứ cấp là thị trường giao dịch những chứng khoán kém chất lượng
- B. Thị trường thứ cấp tạo tính thanh khoản cho các cổ phiếu đã phát hành
- C. Thị trường thứ cấp tạo cho người sở hữu chứng khoán có cơ hội rút vốn đầu tư
- D. Thị trường thứ cấp tạo cho mọi nhà đầu tư có khả năng cơ cấu lại danh mục đầu tư

ANSWER: A

Nơi phát hành và giao dịch các loại chứng khoán mới phát hành lần đầu tiên là:

- A. Thị trường sơ cấp
- B. Thị trường thứ cấp
- C. Thị trường tập trung
- D. Thị trường phi tập trung

ANSWER: A

Điều nào sau đây giải thích cho vai trò khơi thông các nguồn tài trợ của thị trường tài chính?

- A. Thị trường tài chính vận hành như là một cơ chế để công ty, doanh nghiệp (đơn vị thiếu vốn) có thể tiếp nhận vốn từ các nhà đầu tư (đơn vị thặng dư).
- B. Thị trường tài chính là nơi liên kết các hoạt động quản trị đầu tư với các hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- C. Thị trường tài chính là nơi phân bổ hiệu quả các nguồn vốn làm tăng năng suất và hiệu quả cho nền kinh tế.
- D. Thị trường tài chính là nơi giúp các nhà đầu tư thực hiện liệu nên tiến hành đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, chứng khoán do các công ty phát hành.

ANSWER: A

Kinh tế suy thoái khiến cho vốn tiêu dùng và đầu tư trong nền kinh tế điều này gây ra áp lực làm cho lãi suất sẽ

- A. cầu/giảm/giảm
- B. cung/giảm/giảm
- C. cầu/tăng/tang
- D. cung/tăng/tăng

ANSWER: A

Ngân hàng thương mại X niêm yết lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng là 5%/năm. Nền kinh tế được dự báo có mức lạm phát 2%. Cho biết nhận định nào sau đây phù hợp:

- A. 5% là lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực của người gửi tiền thấp hơn mức này.
- B. 5% là lãi suất thực, lãi suất danh nghĩa của người gửi tiền thấp hơn mức này.
- C. 5% là lãi suất thực, lãi suất danh nghĩa của người gửi tiền cao hơn mức này.
- D. 5% là lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực của người gửi tiền cao hơn mức này.

ANSWER: A

Chứng khoán A có thời gian đáo hạn hơn Chứng khoán B vì vậy lãi suất của chứng khoán A thường hơn lãi suất của chứng khoán B.

- A. ngắn/ thấp
- B. dài/ thấp
- C. ngắn/ cao
- D. bằng/cao

ANSWER: A

Một khoản vay trị giá 200 triệu đồng với lãi suất là 12%/năm. Số tiền phải trả sau 2 năm là bao nhiêu nếu ngân hàng áp dụng cách tính lãi kép và ghép lãi 6 tháng/lần?

- A. 252,50 triệu đồng
- B. 250,88 triệu đồng
- C. 248,00 triệu đồng
- D. 284,00 triệu đồng

ANSWER: A

Chọn đáp án đúng nhất: mức độ độc lập của ngân hàng trung ương thể hiện qua:

- A. Thực thi chính sách, quyền bổ nhiệm nhân sự, quyền tự chủ trong quyết định phạm vi và mức độ thu chi.
- B. Quyền sử dụng các công cụ và thực thi các mục tiêu.
- C. Quyền thực thi chính sách tiền tệ và nhiệm kỳ của thống đốc.
- D. Quyền thực thi chính sách thuế và lãi suất.

ANSWER: A

NHTW không có chức năng nào sau đây:

- A. Thực thi chính sách tài khoá.
- B. Thực thi chính sách tiền tệ
- C. Thực thi chính sách hối đoái
- D. Quản lý dự trữ ngoại hối.

ANSWER: A

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), mức độ độc lập của các NHTW trên thế giới có thể chia thành:

- A. 4 cấp độ
- B. 6 cấp độ
- C. 3 cấp độ
- D. 5 cấp độ

ANSWER: A

Ngân hàng trung ương là ngân hàng của các ngân hàng, thể hiện qua các nghiệp vụ:

- A. Cấp tín dụng, tổ chức thanh toán, quản lý dự trữ cho các ngân hàng thương mại.
- B. Thuộc sở hữu của nhà nước, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho Chính phủ, thủ quỹ cho kho bạc, quản lý dự trữ quốc gia, cho Chính phủ vay.

- C. Xây dựng và thực thi chính sách tài chính quốc gia.
- D. Thanh tra, giám sát hoạt động của hệ thống tài chính

ANSWER: A

Nghiệp vụ thị trường mở là nghiệp vụ:

- A. Ngân hàng Trung ương tham gia mua hoặc bán giấy tờ có giá ngắn hạn với các ngân hàng thương mại trên thị trường tiền tệ để điều hành chính sách tiền tệ quốc gia
- B. Nghiệp vụ cho vay ngắn hạn giữa NHTM với các doanh nghiệp.
- C. Nghiệp vụ cung ứng vốn tín dụng ngắn hạn giữa các NHTM với nhau.
- D. NHTW huy động vốn của các NHTM.

ANSWER: A

Điền vào chỗ chấm cụm từ phù hợp:là lãi suất mà NHTW dùng để điều hành chính sách tiền tệ.

- A. Lãi suất cơ bản
- B. Lãi suất tín dụng
- C. Lãi suất thị trường
- D. Lãi suất điều hành

ANSWER: A

Nghiệp vụ thị trường mở đề cập đến việc NHTW mua và bán sản phẩm nào dưới đây?

- A. Chứng khoán chính phủ
- C. Vàng
- B. Ngoại hối
- D. Thương phiếu

ANSWER: A

Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, quyết định tăng lãi suất khi NHTW thực thi chính sách tiền tệ có thể tác động đến?

- A. Khuyến khích tiết kiệm
- B. Tăng cầu tín dụng
- C. Bù đắp bội chi ngân sách
- D. Giảm tình trạng thất nghiệp

ANSWER: A

Chứng khoán nợ ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán nào sau đây?

- A. Tín phiếu Chính phủ, Chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng phát hành, Thương phiếu, Hợp đồng mua lại, Hối phiếu được xác nhận thanh toán bởi ngân hàng.
- B. Tín phiếu, Thương phiếu, Trái phiếu, Cổ phiếu, Hợp đồng mua lại, Hối phiếu được xác nhận thanh toán bởi ngân hàng.
- C. Tín phiếu, Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Trái phiếu, Thương phiếu.
- D. Thương phiếu, Trái phiếu, Cổ phiếu, Các khoản vay thế chấp, Hợp đồng mua lại.

ANSWER: A

Phát biểu nào sau đây chính xác nhất?

- A. Dựa vào thời hạn của các công cụ, thị trường tài chính bao gồm: Thị trường tiền tệ, Thị trường vốn

B. Dựa vào thời hạn của các công cụ, thị trường tài chính bao gồm: Thị trường sơ cấp, Thị trường thứ cấp

C. Dựa vào thời hạn của các công cụ, thị trường tài chính bao gồm: Thị trường tập trung, Thị trường phi tập trung

D. Dựa vào thời hạn của các công cụ, thị trường tài chính bao gồm: Thị trường nợ, Thị trường vốn cổ phần.

ANSWER: A

Chọn phát biểu KHÔNG đúng:

A. Tỷ suất sinh lợi hàng năm của T-Bill (tín phiếu) sẽ giảm khi số ngày đáo hạn giảm xuống.

B. Tỷ suất sinh lợi hàng năm của T-Bill (tín phiếu) sẽ tăng khi giá mua giảm

C. Tỷ suất sinh lợi hàng năm của T-Bill (tín phiếu) sẽ giảm khi giá bán giảm.

D. Tỷ suất sinh lợi hàng năm của T-Bill (tín phiếu) sẽ tăng khi số ngày đáo hạn giảm xuống.

ANSWER: A

City Corp mua T – Bill 180 ngày mệnh giá 10.000USD với giá 9.500USD, nhà đầu tư giữ trong 120 ngày và bán lại với giá 9.800USD. Suất sinh lợi yêu cầu theo năm của nhà đầu tư mua T-bill này là bao nhiêu?

A. 9,61%

B. 9,47%

C. 15,79%

D. 6,12%

ANSWER: A

Thông thường, trái phiếu có điều khoản thu hồi

A. Cho phép nhà phát hành mua lại trái phiếu trước thời gian đáo hạn tại mức giá đã xác định trước

B. Cho phép nhà phát hành bán trái phiếu cao hơn giá thị trường

C. Cho phép nhà phát hành bán thêm trái phiếu cho nhà đầu tư tại mức giá đã xác định trước

D. Cho phép nhà phát hành bán trái phiếu bằng với mệnh giá

ANSWER: A

Trái phiếu nợ chung là... Trái phiếu thu nhập là ...

A. Trái phiếu được đảm bảo bởi khả năng thu thuế của chính quyền địa phương; trái phiếu được đảm bảo bởi thu nhập của dự án

B. Trái phiếu được đảm bảo bởi khả năng thu thuế của chính quyền địa phương; trái phiếu được đảm bảo bằng khả năng thu thuế của chính phủ

C. Trái phiếu luôn bị đánh thuế; trái phiếu luôn được miễn thuế

D. Trái phiếu không trả lãi định kỳ; trái phiếu trả lãi định kỳ

ANSWER: A

Tài sản tài chính nào sau đây có mức rủi ro thấp nhất

A. Tín phiếu

B. Trái phiếu chính phủ

C. Trái phiếu doanh nghiệp

D. Trái phiếu thu nhập

ANSWER: A

Nhà đầu tư kỳ vọng rằng Ngân hàng trung ương sẽ sử dụng chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát. Nhà đầu tư nên làm gì để tạo thêm lợi nhuận từ sự kỳ vọng của mình

- A. Mua trái phiếu có lãi suất coupon thả nổi
- B. Bán trái phiếu có lãi suất coupon thả nổi
- C. Mua trái phiếu có lãi suất coupon cố định
- D. Bán trái phiếu có lãi suất coupon cố định

ANSWER: A

Cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu phổ thông khác nhau ở điểm:

- A. Chia cổ tức và quyền hạn đối với công ty
- B. Thời hạn hoàn vốn
- C. Quyền điều hành
- D. Quyền khấu trừ thuế

ANSWER: A

Trong trường hợp đơn vị phát hành phá sản, giải thể, cổ đông sẽ:

- A. Là người cuối cùng được thanh toán
- B. Là chủ nợ chung
- C. Mất toàn bộ số tiền đầu tư
- D. Được ưu tiên trả lại cổ phần đã góp

ANSWER: A

Cổ tức của cổ đông ưu đãi nhận được là:

- A. Cổ tức cố định
- B. Cổ tức thay đổi hàng năm
- C. Cổ tức thỏa thuận
- D. Cổ tức tùy thuộc vào lợi nhuận của công ty

ANSWER: A

Ông X vừa bán 200 cổ phiếu của công ty A với giá là 40 USD/cổ phiếu, ông ta mua cổ phiếu trước đây với giá 30 USD/cổ phiếu, năm vừa qua ông X có nhận cổ tức là 2 USD/cổ phiếu. Vậy lợi nhuận trước thuế, trước phí giao dịch là:

- A. 2.400 USD
- B. 2.000 USD
- C. 400 USD
- D. 8000 USD

ANSWER: A

Ai tham gia thị trường phái sinh với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận từ sự không hiệu quả của thị trường (giá cả, cổ tức hay yếu tố pháp lí)

- A. Nhà đầu tư chênh lệch giá (arbitrageurs)
- B. Nhà đầu cơ (speculators)
- C. Nhà đầu tư phòng ngừa rủi ro (hedgers)
- D. Nhà môi giới (brokers)

ANSWER: A

.....là một thoả thuận/hợp đồng giữa hai bên tham gia trong đó một bên mua và một bên bán chấp thuận thực hiện giao dịch một loại tài sản (hàng hóa/ công cụ tài chính) với khối

lượng xác định, tại một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá ấn định vào ngày hôm nay.

- A. Hợp đồng kỳ hạn
- B. Hợp đồng tương lai
- C. Hợp đồng quyền chọn
- D. Hợp đồng hoán đổi

ANSWER: A

Phát biểu nào sau đây KHÔNG chính xác:

- A. Sản phẩm phái sinh chỉ được giao dịch trên thị trường tập trung
- B. Công cụ phái sinh được sử dụng để đầu cơ hoặc phòng vệ rủi ro
- C. Ủy ban chứng khoán có quyền cấp phép cho các hoạt động kinh doanh, giao dịch các sản phẩm phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán
- D. Hạn chế của giao dịch phái sinh trên OTC là rủi ro vỡ nợ

ANSWER: A

Điểm khác nhau chính của hợp đồng quyền chọn kiểu Mỹ và kiểu Châu Âu là:

- A. Thời điểm thực hiện hợp đồng
- B. Thị trường giao dịch
- C. Quyền chọn kiểu Mỹ không có phí quyền chọn
- D. Quyền chọn kiểu Mỹ giao dịch hàng hóa, trong khi quyền chọn kiểu Châu Âu giao dịch công cụ tài chính

ANSWER: A

Các kênh tạo lập vốn của ngân hàng thương mại gồm:

- A. Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, vốn vay từ các ngân hàng khác, trái phiếu do ngân hàng phát hành.
- B. Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, vốn vay từ các ngân hàng khác, đầu tư chứng khoán
- C. Tiền mặt, các khoản cho vay, tài sản cố định, tiền gửi khách hàng
- D. Tiền mặt, các khoản cho vay, vốn vay từ các ngân hàng khác, trái phiếu do ngân hàng phát hành.

ANSWER: A

Chức năng nào là chức năng quan trọng nhất, thể hiện bản chất của NHTM:

- A. Trung gian tín dụng
- B. Trung gian thanh toán
- C. Tạo bút tệ.
- D. Tất cả các chức năng có vai trò ngang nhau

ANSWER: A

Đối với các khoản cho vay kỳ hạn dài, chính sách lãi suất mà các ngân hàng thường áp dụng là?

- A. Lãi suất thả nổi
- B. Lãi suất cố định
- C. Lãi suất không kỳ hạn
- D. Lãi suất thị trường

ANSWER: A

Nghiệp vụ nào sau đây, không phải là nghiệp vụ ngoại bảng của ngân hàng thương mại:

- A. Đầu tư chứng khoán
- B. Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ
- C. Cam kết cho vay
- D. Thư tín dụng dự phòng

ANSWER: A

Khi có nhiều hoạt động hoạt động sáp nhập, công ty chứng khoán có thể tăng nguồn thu nhập từ đâu?

- A. Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp
- B. Bảo lãnh phát hành
- C. Dịch vụ môi giới
- D. Tư vấn tài chính

ANSWER: A

Định chế tài chính phi ngân hàng cung cấp tín dụng ngắn hạn và trung hạn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp.

- A. Công ty tài chính
- B. Quỹ hỗ trợ
- C. Công ty bảo hiểm
- D. Ngân hàng đầu tư

ANSWER: A

Chọn đáp án đúng nhất: Nguồn thu nhập của công ty chứng khoán có từ các hoạt động cung ứng dịch vụ môi giới là gì?

- A. Phí quản lý, hoa hồng giao dịch, lãi từ giao dịch Margin
- B. Phí quản lý, hoa hồng giao dịch, đầu tư
- C. Bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp
- D. Đầu tư bằng vốn tự có

ANSWER: A

Một số công ty tài chính cung cấp các khoản vay thế tín dụng thông qua các đại lý bán lẻ đặc biệt. Các công ty tài chính thực hiện điều này, khi nó sử dụng nguồn vốn để:

- A. Cho vay tiêu dùng
- B. Cho vay và cho thuê kinh doanh
- C. Cho vay bất động sản
- D. Cung ứng tín dụng cho công ty mẹ

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu hỏi; 1 điểm/câu hỏi)**Câu hỏi 1: (1 điểm)**

Nêu các đặc điểm của thị trường tiền tệ?

Câu hỏi 2: (1 điểm)

Nam là một nhà đầu cơ quyền chọn. Nam dự đoán rằng giá cổ phiếu ABC sẽ giảm từ 75.000 đồng xuống còn 70.000 đồng. Nam cân nhắc 2 sản phẩm quyền chọn sau: hợp đồng quyền chọn mua cổ phiếu ABC với giá 77.000 đồng, phí 1.000 đồng; và hợp đồng quyền chọn bán cổ phiếu ABC với giá 74.000 đồng, phí 1.000 đồng.

a. Nam nên chọn hợp đồng nào trong 2 hợp đồng trên? Vì sao?

b. Với hợp đồng đã chọn ở câu a, giả sử dự đoán của Nam là đúng, tức giá của cổ phiếu X tại thời điểm đáo hạn là 70.000 đồng. Nam có thực hiện quyền chọn này không? Hãy tính phần lời hoặc lỗ của Nam trên một cổ phiếu ABC.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 – 40	A	0.2	
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	<p>4 đặc điểm của Thị trường tiền tệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thường giao dịch với mệnh giá lớn (0.25) ✓ Rủi ro vỡ nợ thấp (0.25) ✓ Có thị trường thứ cấp hoạt động: do đó, các CK này thường có tính thanh khoản cao và linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn. (0.25) ✓ Thị trường tiền tệ là thị trường bán buôn (wholesale markets): hầu hết các giao dịch trên TTTT có khối lượng rất lớn. TTTT chỉ dành cho Dealer/ Broucker chứ không dành cho Individual (0.25) 	1.0	
Câu 2	<p>a. Nam nên chọn mua hợp đồng quyền chọn bán với giá 74.000 đồng, phí 1.000 đồng. (0.25đ)</p> <p>Vì Nam dự đoán giá cổ phiếu ABC giảm xuống còn 70.000 đồng. (0.25đ)</p>	1.0	

	<p>b. Nếu giá cổ phiếu ABC tại thời điểm đáo hạn là 70.000 đồng, Nam sẽ thực hiện quyền chọn. (0.25đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi đó số tiền Nam phải chi ra cho giao dịch là: 1.000đ phí quyền chọn, và 70.000đ mua cổ phiếu ABC trên thị trường. - Số tiền Nam nhận được trong giao dịch là: 74.000đ khi bán cổ phiếu ABC theo hợp đồng quyền chọn bán. - Phần lời của Nam là: $-1000 - 70.000 + 74.000 = 3.000$ đồng (0.25đ) 		
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



TS. Mai Chanh Loan



Trần Nguyễn Trâm Anh